TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Dựa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Anh D, xã An T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu

Nơi ở hiện nay: ấp Cây G, xã Định T, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh Nguyễn Ly B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Anh D, xã An T, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị L và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ly B chung sống với nhau như vợ chồng năm 1999, có tổ chức cưới gả theo phong tục tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống hơn một năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống Chị L và anh B có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 21/6/2000, Nguyễn Thị Lan T, sinh năm: 10/3/2004 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2014. Hiện nay Nguyễn Thị Bích T đã có gia đình và sống riêng, Nguyễn Thị Lan T đã đi làm và sống tự lập, Nguyễn Nhật A đang sống với anh B và có nguyện vọng tiếp tục sống với cha, Chị L thống nhất theo nguyện vọng của con. Xin tạm miễn việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Ly B không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập nhưng có đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Không công nhận chị Trần Thị L và anh Nguyễn Ly B là vợ chồng. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Nhật Anh cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ly B. Anh B có địa chỉ cư trú tại xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị L và anh B có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay Chị L có yêu cầu ly hôn anh B, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình, thụ lý yêu cầu của Chị L và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị.

[2] Về con chung: Chị L và anh B có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 21/6/2000, Nguyễn Thị Lan T, sinh năm: 10/3/2004 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2014. Hiện nay Nguyễn Thị Bích T đã có gia đình và sống riêng, Nguyễn Thị Lan T đã đi làm và sống tự lập, Nguyễn Nhật A đang sống với anh B và có nguyện vọng tiếp tục sống với anh B. Chị L thống nhất theo nguyện vọng của cháu Nhật A. Xét nguyện vọng của cháu N và sự thống nhất của Chị L, tiếp tục giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 04/11/2014 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị L xin tạm miễn cấp dưỡng cho con, anh Nguyễn Ly B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về cấp dưỡng cho con, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Ly B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2014 cho anh Nguyễn Ly B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, Chị L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng ngày 12 tháng 02 năm 2025 theo biên lai thu số 0006510 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thị L và anh Nguyễn Ly B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP; HSVA;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị An